TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** TỈNH THÁI BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2017/HNGĐ- ST
Ngày 22/9/2017
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Phan Văn Tiến;
2. Bà Phạm Hồng Thiêm;
Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huyền- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Ngày 22/9/2017, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 133/2017/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2017 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2017/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991;
Địa chỉ: Thị trấn E, huyện E, tỉnh Đ1. Vắng mặt- Có đơn xin xử vắng mặt.
2.Bị đơn: Anh Bùi Minh T1, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Thôn Đ2, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt- Lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 18/4/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Bùi Minh T1 đã tự nguyện đăng ký kết hôn ngày ngày 06 tháng 5 năm 2009 tại Uỷ ban nhân dân xã T2. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại gia đình anh T1; cuối năm 2009, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, do anh T1 đánh chửi chị, do anh T1 rượu chè. Do vợ chồng mâu thuẫn nên từ tháng 6 năm 2012, chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị ở tỉnh Đ1 sinh sống. Từ đó, vợ chồng vợ chồng không sống chung với nhau, không quan tâm chăm sóc nhau, không có trách nhiệm với nhau nữa. Vì vậy, chị có nguyện vọng ly hôn anh T1, hiện nay chị không mang thai. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Bùi Thảo V, sinh ngày 23/11/2010, hiện đang sống cùng chị; chị đề nghị được trực tiếp nuôi con; không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có ai nợ chung vợ chồng nên chị không yêu cầu

Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 09/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Bùi Minh T1 trình bày giống nguyên đơn về việc kết hôn, về mâu thuẫn vợ chồng, về việc vợ chồng hiện nay không còn sống chung với nhau nữa; về việc vợ chồng có một con chung là Bùi Thảo V, sinh ngày 23/11/2010, hiện nay con chung đang sống cùng chị H. Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có ai nợ chung vợ chồng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng mâu thuẫn từ cuối năm 2012, nguyên nhân do tính tình không hợp, do chị H muốn sinh sống ở miền Nam, còn anh muốn sinh sống ở miền Bắc; từ năm 2012, chị H đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị ở tỉnh Đ1 sinh sống. Tuy vợ chồng đã vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nhưng anh có nguyện vọng đoàn tụ mặc dù anh không có biện pháp hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi con; không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, chị H có nguyện vọng ly hôn, anh T1 có nguyện vọng đoàn tụ. Về con chung: Chị H và anh T1 đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có ai nợ chung vợ chồng nên nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hòa giải không thành nên vụ án phải đưa ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa lần thứ nhất, lần thứ hai, bị đơn đều vắng mặt. Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại Khoản 1; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị H và anh T1 là tự nguyện và hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng vợ chồng không có biện pháp hòa giải nên mâu thuẫn trở nên trầm trọng; hiện nay, vợ chồng không sống chung với nhau, không còn thương yêu, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng chị H- anh T1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị H ly hôn anh T1.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Bùi Thảo V, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2010, hiện nay đang sống cùng chị H. Khi hòa giải, chị H, anh T1 đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung; đều không yêu cầu cấp dưỡng. Vợ chồng không sống chung với nhau đã lâu, từ đó, con chung vẫn sống cùng chị H; cuộc sống ổn định. Vì vậy, cần áp dụng Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung; tạm hoãn việc cấp

dưỡng nuôi con chung đối với anh T1.

[4]. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn đều trình bày: Vợ chồng không có tài sản chung, đều không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000,đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 228; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 1 Điều 24; Điểm a Khoản 5; Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Bùi Minh T1.

2. Về con chung:-Vợ chồng chị H- anh T1 có một con chung là Bùi Thảo V, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2010.

-Xử giao con chung Bùi Thảo V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T1.

-Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải nộp toàn bộ 300.000,đồng án phí ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000,đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001044 ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Chị H đã nộp đủ án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
-VKDND huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tòng